

Không gian văn hoá Tây Đô (Một số biến đổi từ sau khi trở thành Tây Đô)

Nguyễn Thị Thuý*

Trường Đại học Hồng Đức, 307 Lê Lai, Đông Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam

Nhận ngày 3 tháng 12 năm 2008

Tóm tắt. Tây Đô (Vĩnh Lộc, Thanh Hoá) là vùng đất có vị thế đặc biệt quan trọng xét cả về góc độ địa-chính trị và địa-quân sự. Đây là nơi chuyển tiếp từ miền núi xuống đồng bằng có kiến tạo địa chất phức tạp, đan xen các dạng địa hình đồng bằng, vùng đồi và núi đá. Từ xa xưa Tây Đô đã là địa bàn sinh tụ của nhiều tộc người khác nhau.

Đặc điểm phong phú về điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái, đa dạng về cư dân đã có tác động không nhỏ đến phương thức sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và tạo nên những đặc trưng văn hoá của các cộng đồng cư dân vùng đất Tây Đô. Vị thế vùng đất này là cơ sở lý giải vì sao Hồ Quý Ly quyết định chọn làm nơi xây dựng kinh đô mới (thành Tây Đô).

Từ sau quyết định xây dựng thành Tây Đô (1397), dời đô từ Thăng Long về Thanh Hoá của Hồ Quý Ly, vùng đất Tây Đô đã trở thành một trung tâm chính trị-quân sự của cả nước. Tuy chỉ tồn tại với tư cách là một kinh đô của đất nước trong những năm cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, nhưng vùng đất này đã chịu tác động không nhỏ của vị thế chính trị. Sự kiện này, một mặt khẳng định vị thế đặc biệt quan trọng của Tây Đô, nhưng mặt khác đã tạo điều kiện cho Vĩnh Lộc, các vùng lân cận và cả vùng đất Thanh Hóa nói chung có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hoá không chỉ trong thời kỳ vùng đất này là kinh đô mà còn tiếp tục ảnh hưởng trong các giai đoạn sau này.

Trong số các di sản nhà Hồ để lại, thành Tây Đô là một công trình kiến trúc kỳ vĩ và có giá trị về nhiều mặt. Nét đặc sắc của toà thành không chỉ ở quy mô đồ sộ, kiến trúc kiên cố mà còn vì tính độc đáo về kỹ thuật xây dựng và mức độ tinh xảo. Xung quanh toà thành có rất nhiều điều bí ẩn mà cho đến nay nhiều kiến giải còn đang để ngỏ.

Nghiên cứu không gian văn hoá Tây Đô cho thấy dấu ấn của một trung tâm chính trị-quân sự vẫn còn in đậm trên vùng đất Tây Đô. Để hiểu rõ thêm về đặc trưng văn hoá Tây Đô cần phải nghiên cứu sâu hơn không gian văn hoá vùng đất này không chỉ là nền tảng nhận thức đặc trưng của một vùng đất mà còn là tấm gương phản ánh dấu ấn lịch sử, truyền thống văn hoá của khu vực đó.

Mặc dù thành Tây Đô chỉ tồn tại với tư cách kinh đô trong thời gian ngắn, nhưng sự kiện quan trọng này đã có tác động nhiều mặt đến địa phương. Sau khi nhà Hồ thất bại, thành Tây Đô vẫn tiếp tục được sử dụng trong các giai

đoạn lịch sử tiếp theo. Nghiên cứu vùng đất Tây Đô như một không gian văn hoá trong quan hệ tương tác với thành Tây Đô cả về không gian và thời gian sẽ góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề của lịch sử Việt Nam và tỉnh Thanh Hóa nói riêng, nhất là gần đây, theo ý kiến của một số chuyên gia, Tây Đô không chỉ là một công trình kiến trúc đặc sắc của Việt Nam mà còn được

*ĐT: 84-037-3756047.

E-mail: thuyhongduc@yahoo.com.vn

đánh giá là một trong những toà thành đá đẹp và lớn nhất Đông Nam Á. Việc nghiên cứu toàn diện Tây Đô, đặc biệt là những biến đổi của vùng đất này từ sau khi Hồ Quý Ly xây dựng thành Tây Đô (cuối thế kỷ XIV) sẽ góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc đánh giá tổng hợp giá trị của di sản văn hoá độc đáo này.

1. Khái quát về vùng đất Tây Đô

Tây Đô (huyện Vĩnh Lộc) là vùng đất ở phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hoá: giáp huyện Hà Trung về phía Đông; huyện Cẩm Thuý về phía Tây; huyện Yên Định về phía Nam và huyện Thạch Thành về phía Bắc.

Đây là vùng đất cổ từng có con người sinh sống qua các thời đại. Quá trình khai phá đất đai và lập làng diễn ra từ nhiều thế kỷ từ trước khi vùng đất này trở thành kinh đô. Dấu vết văn hoá Sơn Vi được phát hiện ở đây đã khẳng định vùng đất Tây Đô là địa bàn hoạt động của người nguyên thủy. Cùng với quá trình di dân, định cư, khai phá đất đai và sự hình thành nên các cánh đồng bãi được bồi đắp phù sa là sự hình thành làng xã.

Thời kỳ dựng nước đây là vùng đất thuộc Bộ Cửu Chân. Trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc, tuy có sự thay đổi về tên gọi cũng như địa giới hành chính vùng đất này vẫn thuộc quận Cửu Chân. Đến thời Ngô - Đinh - Tiền Lê thuộc về huyện Nhật Nam của Châu Ái. Thời Lý, Tây Đô cũng như các vùng đất thuộc Thanh Hóa do tổng trấn Lý Thường Kiệt cai quản. Đến thời Trần, vùng đất này trở thành một huyện riêng (huyện Vĩnh Ninh thuộc trấn Thanh Đô) là thái ấp điền trang của dòng họ Lê Phụ Trần.

Quyết định xây thành, dời đô (cuối thế kỷ XIV) đã tạo ra một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của vùng đất Tây Đô. Từ huyện Vĩnh Ninh vùng đất này đã trở thành kinh đô (Tây Đô).

Nằm trong khu vực chuyển tiếp từ vùng xuống đồng bằng, vùng đất Tây Đô có đủ các dạng địa hình, vừa có núi đá vôi, núi thấp, đồi, có sông suối lại xen kẽ cả đồng bằng. Từ xa xưa vùng đất này là nơi hội tụ của nhiều luồng cư

dân và là nơi diễn ra quá trình giao thoa của những truyền thống văn hoá khác nhau. Trong các thành phần cư dân ở vùng đất Tây Đô, ngoài người Kinh có tỷ lệ cao nhất, còn có người Mường và người Chăm. Người Kinh có nguồn gốc bản địa, địa bàn cư trú của người Mường là vùng đất thuộc huyện Thạch Thành và Cẩm Thuý. Người Chăm chủ yếu là tù binh và nghệ nhân, hoặc vũ nữ bị đưa về đây sau các cuộc chiến tranh.

Thiên nhiên hiểm yếu của vùng đất này được tạo bởi hệ thống núi đá vôi bao quanh khu vực xây thành Tây Đô như núi An Tôn, Đón Sơn, Hý Mã, Du Anh, Vân Đài, Tiến sĩ, Mồng Cù, Hùng Lĩnh, Kim Sơn, Cô Sơn, Phú Thịnh, Nham Sơn, Ngưỡng Sơn, Kim Từ... Hệ thống núi đá vôi ở đây được tạo thành cách ngày nay chừng 129 triệu năm do chấn động của tạo sơn Hymalaya không những tạo thành những dải núi đá hiểm trở mà còn tạo nên những danh thắng nổi tiếng như động Hồ Công (xã Vĩnh Ninh), động Kim Sơn (Vĩnh An), núi Tiến Sĩ, núi Vọng Phu, núi Rồng, núi Tượng, núi Khắc Huyền...

Tây Đô có thể xem là cả một vùng đồi xen kẽ đồng bằng. Hệ thống đồi đất cao thấp kéo dài từ phía Tây xuống phía Đông, tạo thành một vùng đồi thuộc trung lưu sông Mã và sông Bưởi. Đồi thấp phổ biến là đồi đá cuội và đồi đất. Đồi đất lại được phân định rạch ròi thành hai: hệ thống đồi đất thấp ở phía Đông và hệ thống đồi đất cao ở phía Tây, làm thành ranh giới giữa châu thổ và vùng núi Thanh Hoá. Địa hình như vậy chẳng những không cách trở về mặt giao thông mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất. Hơn thế, đá vôi, đá cuội và đất ở các dãy núi, đồi này còn là nguồn nguyên liệu dồi dào cung ứng cho việc xây dựng thành Tây Đô.

Xen kẽ hệ thống núi đồi cao thấp là những cánh đồng bằng phẳng. Trung tâm đồng bằng là vùng đất Ngã - Ba - Bông. Đây là nơi sông Mã phân thêm nhánh (sông Lèn) có lượng phù sa được bồi đắp rất lớn, nguồn nước tưới tự nhiên dồi dào, giao lưu buôn bán ngược-xuôi thuận tiện. Tuy không dồi dào diện tích canh tác nhưng đồng bằng của Tây Đô được con người

chiếm lĩnh khai phá từ rất sớm và có vị trí khá quan trọng trong phát triển nông nghiệp.

Sự hợp lưu của sông Mã (phía Tây) với sông Bưởi (phía Đông) tại ngã ba cầu Công đã trở thành con hào tự nhiên hình vòng cung bao quanh vùng đất Tây Đô. Sự hợp lưu của sông Mã và sông Bưởi cùng một số sông suối nhỏ khác không những tạo nên vị thế tự nhiên đặc biệt, mà còn ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của vùng đất Tây Đô.

Vùng đất này được coi là có địa thế hiểm yếu, nhưng lại có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi với đường thủy dọc theo sông Mã và đường bộ chính là đường thượng đạo Bắc-Nam. Với hệ thống sông suối và núi đồi bao quanh nên Tây Đô vừa tận dụng được thế mạnh sông nước lại vừa có lợi thế hiểm trở của núi rừng. Nét đặc biệt của địa hình đã tạo nên sự độc đáo về tính lợi-hại, thuận-nghịch về giao thông thủy bộ hai chiều từ trong ra và từ ngoài vào. Nếu từ Tây Đô vào Nam ra Bắc càng cơ động bao nhiêu vì xuôi dòng sông Mã, quen thuộc địa hình và thuận lợi cho bố trí mai phục, thì từ ngoài muốn vào Tây Đô lại hết sức khó khăn do phải vượt ngược dòng sông chày xiết, nhiều thác ghềnh và xuyên qua rừng sâu, đèo cao.

Điều kiện tự nhiên đa dạng, phức tạp vừa tạo nên diện mạo tự nhiên và thế hiểm yếu vừa có tác động mạnh đến việc hình thành, phát triển của vùng đất Tây Đô. Đồng thời, việc Hồ Quý Ly quyết định xây dựng toà thành đá (thành Tây Đô) với chiến lược phòng thủ một phần xuất phát từ vị thế này.

Từ kinh nghiệm liên tục phải rút khỏi Thăng Long của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, trong hoàn cảnh chính trị không mấy thuận lợi, Hồ Quý Ly phải tính đến việc chọn nơi vị thế quân sự hiểm yếu để phòng thủ trước nguy cơ một cuộc chiến lớn đang đến gần. Trong bối cảnh đó, Tây Đô xứ Thanh, đất “*quý hương*” của Hồ Quý Ly là sự lựa chọn số một.

Mặc dù công việc xây thành, dời đô diễn ra trong một thời gian ngắn, nhưng khi nghiên cứu sâu thì thấy sự chuẩn bị cho sự kiện này đã được tiến hành khá kỹ lưỡng. Trong hoàn cảnh

“*Thiên không thời*” (tiến hành cải cách không đúng thời điểm), “*Nhân không hoà*” (chính sách gây bất bình với một số tầng lớp xã hội, nhất là tầng lớp quý tộc họ Trần), Hồ Quý Ly chọn Tây Đô như một vùng được coi là “*Địa lợi*” để định đô.

Về một phương diện khác, có thể thấy quan niệm phong thủy cũng là một tác nhân dẫn tới quyết định chọn đất xây thành. Theo đó, Tây Đô là đất “*Thạch bàn Long xà - Lục thập niên kỳ*” (đất rồng châu, rắn cuộn vững như bàn thạch ở được 60 năm).

Như vậy, vị trí nơi đây phù hợp với tư duy chính trị và cả quan niệm về tâm linh, phong thủy của Hồ Quý Ly. Tuy nhiên, thực tế lịch sử cho thấy đây là một sai lầm nằm ngoài những trù tính của Ông. Dù là kinh đô trong thời gian không lâu (những năm cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV) nhưng sự kiện này đã ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến sự phát triển và diện mạo của vùng đất Tây Đô.

2. Một số biến đổi từ sau khi trở thành Tây Đô

2.1. Dấu ấn Tây Đô lên đặc trưng dân cư

Đương thời, để xây dựng và phục vụ nhu cầu kinh đô mới, Hồ Quý Ly đã cho di dời dân trong khu vực đi nơi khác để lấy đất xây thành. Các làng Tây Giai, Đông Môn và Thăng Hào vì vậy đã từng bị xoá tên trên bản đồ khu vực thành. Nhưng mặt khác, họ Hồ lại huy động nhân công từ nhiều nơi đến tham gia trực tiếp và phục vụ công việc xây thành. Dấu ấn của sự kiện này còn để lại khá rõ tại vùng dân cư vùng đất Ngã ba Bông [1]. Theo gia phả một số dòng họ ở vùng này thì nhiều người của huyện Nga Sơn đã tham gia xây thành An Tôn. Sau khi xong việc, họ không về quê mà đến vùng đất đất giữa hai làng Biện Thượng và Biện Hạ ở tả ngạn sông Mã, khi ấy còn hoang vắng nhưng đất đai màu mỡ đã tự động vỡ hoang, lập ruộng vườn, làm lán rồi làm nhà. Lúc đầu chỉ là nơi ở tạm, nhưng “*đất lành chim đậu*”, ngày càng có

nhiều người đến sinh sống, hình thành xóm nhỏ sau đó trở thành làng [2].

Khi thành An Tôn trở thành kinh đô, tại khu vực quanh thành hình thành các công xưởng của triều đình, các cơ sở phục vụ đời sống văn hóa cung đình và hệ thống giao thông, đường phố ở kinh đô. Các cụm dân cư quanh thành được gọi là *phường*, chuyển từ nghề nông sang buôn bán hoặc làm các nghề thủ công mà rõ rệt nhất là nghề khai thác, chế tác đá, nghề rèn. Các làng Phương Giai, Đông Môn đều có thời là *phường*. Cũng có làng hình thành bởi lực lượng binh lính giải ngũ, như trường hợp Thọ Sơn trang chẳng hạn [3]. Gắn liền với các cơ sở sản xuất, làng nghề thủ công là hệ thống chợ (chợ Tây Giai, chợ Khả Lãng...). Tại Ngã ba Bông và ngã ba cầu Công những thị tứ - trung tâm kinh tế được hình thành gắn liền với hệ thống giao thông đường thủy và có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của vùng đất Tây Đô.

Đọc theo con đường Thiên lý được đắp vào năm 1402 và tại các bên sông đã mọc lên các trạm và phố phường buôn bán. Huyện lỵ Vĩnh Lộc hiện nay, thị trấn phố Bồng, thị trấn phố Giáng... đều có lịch sử khởi nguyên từ thời kỳ là kinh đô.

Tuy nhiên, so với Thăng Long thời Trần thì hoạt động thương mại thời Hồ trên vùng đất này chưa đủ hình thành một trung tâm thương mại lớn của đất nước. Đây mới chỉ là mốc khởi đầu tạo bước chuyển cho một vùng đất thuần nông, kinh tế nông nghiệp là chủ đạo có điều kiện phát triển công, thương nghiệp dưới tác động của việc xây thành, dời đô.

2.2. Tình hình ruộng đất và kinh tế khu vực thành Tây Đô

Tây Đô là vùng đất có nhiều người được "hường lộc vua Lê" như Trịnh Khả (xã Kim Bôi), Lê Thọ Vực (thôn Đoài), Đỗ Thiện Chính (làng Biện Thượng), Vũ Doãn Ninh (làng Vực), Vũ Uy (làng Cao Mật)... nên ruộng phong thưởng và lộc điền của các bậc cao thần có ảnh

hưởng không nhỏ đến tình hình ruộng đất Tây Đô⁽¹⁾.

Bên cạnh ruộng đất phân phong, triều Hậu Lê còn cấp đất lập đền thờ, cúng tế và ban thưởng cho những làng có công trong kháng chiến như trường hợp Kim Bôi Đại vương Trịnh Khả, ngoài số ruộng được ban thưởng và cấp tế còn cho phép làng lập miếu thờ và ban cho được quốc tế [4].

Tây Đô vốn là nơi đã có các sở đồn điền khai hoang do các tù binh Chăm được bắt về khi các vua Hồ tiến hành chinh phạt phía Nam. Đến triều Lê Thánh Tông hình thức đồn điền ở vùng đất này lại có điều kiện phát triển hơn. Để thực hiện công cuộc khẩn hoang, ngoài lực lượng là dân phiêu tán sau chiến tranh, nhiều tướng lĩnh, công thần nhà Lê đã sử dụng khá rộng rãi lực lượng tù binh Chăm. Lê Thọ Vực là người có công lớn *binh Chiêm*, đã đưa một số lượng lớn tù binh Chăm về quê lập đồn điền khai hoang. Các trang Quan Bỏ, Quan Bón với thành phần dân cư chủ yếu có nguồn gốc Chăm đã được hình thành trong bối cảnh như vậy. Được tôn là người có công khai phá vùng đất Đại Lại, lập ra sở đồn điền và làng, xã trên vùng đất Vĩnh Lộc nên sau khi mất, Lê Thọ Vực được vua ban phong và dân lập đền thờ, đến nay vẫn còn ở bên cạnh Ngã ba Bông.

Đến đầu thế kỷ XIX, cũng như các vùng khác trong toàn quốc, ruộng đất tư hữu ở Thanh Hoá phát triển ngày càng mạnh mẽ. Ti lệ ruộng tư so với tổng diện tích canh tác đã lên tới trên dưới 80% [5]. Nhưng phân tích số liệu địa bạ một số làng thuộc khu vực thành Tây Đô lại cho một bức tranh khác.

Phân tích tình hình ruộng đất qua địa bạ thời Minh Mạng của 4 làng (trang) được thành

(1) Trịnh Khả được thưởng 600 mẫu ruộng thế nghiệp và lại được vua Nhân Tông cấp cho 100 mẫu tư điền ở quê nhà. Ngô Kinh, Ngô Từ ngoài số ruộng đất được cấp ở Giang Man Tự (thuộc Lương Giang) và hương Động Bảng huyện An Định (nay là huyện Yên Định), có 400 mẫu ở Giang Biều, huyện Vĩnh Ninh (tức Vĩnh Lộc ngày nay). Lưu Trung được cấp 500 mẫu, trong đó có 80 mẫu ở xã Nam Cai, huyện Vĩnh Lộc. Lê Thọ Vực là người thôn Đoài xã Thái Đường, huyện Vĩnh Ninh (Vĩnh Lộc) được ban thưởng tới 150 mẫu.

lập từ thời Hồ dưới tác động của việc xây thành Tây Đô là Đông Môn, Tây Giai, Mỹ Xuyên và Hữu Chấp cho thấy phân bố ruộng đất ở đây rất khác với các địa phương còn lại của Thanh Hoá, nhất là tỉ lệ ruộng công và tư. Xin xem bảng thống kê dưới đây.

Bảng 1. Tỉ lệ ruộng đất tư so với tổng diện tích đất đai của các xã Tây Giai, Mỹ Xuyên, Hữu Chấp và trang Đông Môn

TT	Tên xã, trang	Tổng diện tích ruộng đất công tư	Diện tích ruộng, đất tư	Ruộng, đất tư/ Tổng diện tích
1	Xã Hữu Chấp	114.5.08.3	35. 7. 10.	31.2 %
2	Xã Tây Nhai	55.6.13.4	11. 2. 07.	20.2 %
3	Xã Mỹ Xuyên	260.2.00.9	12. 4. 10.0	4.8 %
4	Trang Đông Môn	95.0.13.6	Không có	0 %
Cả 4 xã, trang		525.5.06.2	59.4.12.6	14 %

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ QG I

Như vậy là tại 4 làng (trang) này cho đến nửa đầu thế kỷ 19, ruộng đất tư hữu còn rất kém phát triển. Thậm chí ở trang Đông Môn tư điền, tư thổ hoàn toàn thiếu vắng. Đây chính là một điểm khác biệt về ruộng đất của khu vực thành Tây Đô mà chắc chắn là do tác động của chính trị. Điều này cũng tương tự như một số vùng khác trong cả nước có vị trí kề cận hoặc trong vòng kiểm soát của trung tâm chính trị qua các thời kỳ lịch sử.

Có một hiện tượng khá đặc biệt khác là diện tích đất mộ địa - loại đất dường như ở đâu cũng có và với diện tích không đáng kể, thì ở các địa phương đang phân tích lại chiếm tỉ lệ khá cao. Riêng ở Tây Nhai đất mộ địa có tới 116 mẫu 8 sào chiếm 48.4% tổng diện tích. Đứng thứ hai về quy mô diện tích mộ địa là Hữu Chấp với 24 mẫu 6 sào 5 thước, chiếm 27,5%. Mỹ Tuyên có 13 mẫu 4 sào, 14 thước chiếm 39,9%. Thấp nhất là Đông Môn cũng có tới 11 mẫu 6 sào 12 thước, chiếm 11,4%. Có thể coi đây là hiện tượng không bình thường. Phải chăng đây là chứng tích của những trận giao tranh ác liệt ở khu vực thành qua các thời kỳ?

Nằm ở vị trí đồng bằng nhưng Tây Đô có đầy đủ các dạng địa hình đồng bằng, thung lũng và núi rừng. Điều kiện tự nhiên có nhiều thuận lợi cho sự phát triển các loại hình kinh tế, trong đó kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Các làng xã ven sông Mã, sông Bưởi trở thành vựa lúa của Tây Đô. Với lượng phù sa lớn của hai con sông Mã và Bưởi, cư dân Tây Đô còn mở rộng kinh tế đồng bãi để trồng dâu, bông và ngô. Tận dụng lợi thế đất và nguồn nước tưới tự nhiên, đã trồng cây (ngô nếp và ngô tẻ). Làng Bồng đã từng là một trung tâm trồng bông của xứ Thanh còn in dấu ấn trong câu ca dao "*làng Bồng lắm lúa nhiều bông...*".

Các làng xã vùng chân núi với lợi thế đồi, gò đã phát triển mạnh kinh tế vườn đồi. Trên các sườn đồi, gò phát triển mạnh các loại cây cho củ, bột như sắn, củ từ, khoai sọ... Đặc biệt ở khu vực đồi Báo có loại sâm báo rất nổi tiếng. *Sâm Báo* đã trở thành đặc sản của xứ Thanh được nhắc đến nhiều trong các công trình khảo cứu. Vườn đồi là nơi trồng các loại cây lấy gỗ và các loại cây ăn quả. Nguồn thu hoạch từ các loại hoa quả từ các vườn đồi này có vai trò rất quan trọng đối với các làng xã vùng chân núi. Trong các loại cây ăn quả, các loại rau như vải được trồng nhiều ở các xã Nhân Lộ, Cao Mật, Kim Tử; mía kéo mật ở các xã Nhật Chiêu, Hữu Chấp; khoai lang ở xã Đa Bút có vị ngon đặc biệt, thường là vật phẩm dâng quan; hoàng tinh (xã Hữu Chấp, Ngân Bôi, Kim Bôi) và long nhãn trồng ở nhiều nơi trong huyện. Ngoài ra, còn trồng dưa cải (làng Don) và táo (phố Giáng), hiện trong dân gian còn lưu truyền câu tục ngữ "*Dưa Don, táo Giáng*", hay câu ca dao:

Anh về nhớ táo Phương Giai

Nhớ ổi Đa Bút, nhớ khoai chợ Bồng.

Đồi vườn góp phần tạo nên diện mạo kinh tế của Tây Đô [4].

Bên cạnh nông nghiệp là nghề chủ đạo, thủ công nghiệp ở Tây Đô cũng khá phát triển. Trước hết phải nói tới nghề dệt. Con gái xã An Tôn (tổng Cao Mật), nổi tiếng là "*nơi giới nuôi tầm dệt vải*". Nguyên liệu cho nghề dệt ở đây bao gồm cả hai loại: tơ tầm và bông. Ở các mừng vùng chân núi còn có nghề dệt thổ cẩm.

Cùng với việc dệt vải là việc nhuộm màu. Kỹ thuật nhuộm màu vải ở đây chủ yếu là kinh nghiệm dân gian chiết suất từ các loại vỏ, quả, cây, bùn đất có thể tạo nên các màu: gụ, nâu, đen và hãm cho các màu đó ít phai. Cùng với dệt Tây Đô còn nổi tiếng với nghề đan lát, nghề khai thác và chế tác đá, nghề làm gạch ngói... đều là những nghề thủ công gắn với sự kiện lịch sử xây thành Tây Đô.

Đã từng một thời là kinh đô, thương nghiệp Tây Đô cũng có những chuyển biến. Tổng Biện Thượng có một nửa dân số chuyên nghề buôn bán (nhất là Đông Biện, Kim Sơn). Đến nửa đầu thế kỷ XIX đã hình thành các trung tâm kinh tế với các tụ điểm buôn bán lớn như phố Giáng (huyện Ij), Tây Giai (chợ Tây Giai) và Ngã Ba Bông (các xã Đông Nam huyện và phố Bông), Vĩnh Thành, Vĩnh Minh... Đây là những trung tâm kinh tế gắn liền với hệ thống giao thông đường thủy được hình thành từ khá sớm, nhưng từ sau khi trở thành kinh đô, những vùng này dần dần hình thành các trung tâm giao lưu buôn bán với các thị trấn, thị tứ, các phố... Ngoài hệ thống chợ còn có hệ thống các *quán* ở ven đường giao thông như quán Phú Điền (xã Phú Điền) và quán Bản Thủy (xã Bản Thủy) [6]. Hệ thống các trung tâm thương nghiệp với các chợ, quán đã góp phần không nhỏ vào việc lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế thương mại không chỉ của riêng Tây Đô mà còn cho cả xứ Thanh.

2.3. Tình hình văn hóa-xã hội

Tây Đô là đất trung hưng của nhà Hậu Lê, nên chính quyền Lê-Trịnh có những chính sách ưu tiên, tạo thuận lợi cho giáo dục ở vùng đất này phát triển. Năm 1562, trong khi cụ diện chiến tranh Nam-Bắc triều còn chưa đi đến hồi kết, triều Lê đã cho mở trường thi hương tại Tây Đô. Có lẽ cũng vì thế mà Tây Đô là vùng đất có nhiều người đỗ đạt và làm quan lớn trong triều. Ở làng Bông có các họ Đỗ, Phạm, Nguyễn, Tống... là những cự tộc có nhiều người đỗ đạt, làm quan. Câu thành ngữ "*ngựa xe về Bông Báo*" mà dân địa phương thường nói cũng

là để chỉ hiện tượng này. Truyền thống ấy còn tiếp tục được duy trì về sau. Theo số liệu thống kê trong vòng hơn 100 năm dưới triều Nguyễn, huyện Vĩnh Lộc có 46 người (trong tổng số 390 người Thanh Hóa) đỗ cử nhân, là huyện có người đỗ đạt xếp vị trí thứ 3 sau huyện Hoằng Hóa (121 người) và Đông Sơn (47 người) [7]. Sách *Đông Khánh dư địa chí* cũng đã nhận xét: "*về việc học thì Vĩnh Lộc là nhất*" [8].

Trên đất Tây Đô, nhất là vùng Biện Thượng còn tồn tại một loạt các di tích, địa danh như vườn Thượng Uyển, Vườn Hoa, Dàn Trò, Bàn Cờ, xóm Hát... có liên quan đến hoạt động văn hoá-xã hội cung đình và dân gian [9].

Câu tục ngữ "*Nghệ Yên Thành, Thanh Đông Biện*" đã cho thấy Đông Biện - Tây Đô thời kỳ Lê Trung Hưng một vùng nổi tiếng về các sinh hoạt văn hoá quý tộc.

Tây Đô là nơi có nhiều ngôi chùa nổi tiếng của xứ Thanh và cũng là một trong những nơi tiếp nhận và chịu ảnh hưởng tương đối sớm của đạo thiên chúa giáo, nhưng nét nổi bật của Tây Đô là một vùng văn hoá truyền thống với nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian đặc sắc. Các dân tộc như Kinh, Mường ở đây đều có những hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian đa dạng. Ngoài những hội vào các dịp lễ tết như các nơi khác, ở đây còn có những lễ hội riêng của mình như lễ đèn Hàn, lễ đèn Ông, lễ đèn Ba Bông, lễ hội đền thờ Trịnh Khả, Lễ hội đền Tam tổng... Là vùng đất có nhiều tộc người cư trú, nên ngoài những sinh hoạt văn hoá của người Việt, các lễ hội và các hình thức sinh hoạt văn hoá của người Mường, người Chăm như hát Sét Bùa, hát đối đáp nam nữ... đã làm cho lễ hội dân gian ở vùng đất Tây Đô thêm đa dạng.

Do đã có thời kỳ từng là kinh đô, Tây Đô lưu giữ nhiều phong tục, tập quán mang dấu ấn của một trung tâm văn hóa. Nhiều nơi quanh khu vực thành Tây Đô rất giỏi ca hát, như gái xã Hoa Nhai thuộc tổng Cao Mật (đất thuộc kinh đô cũ); giỏi võ thuật như trai các xã Nhật Chiếu, Đông Môn và Phú Lâm (tổng Bình Bút), phong tục thích uống rượu như dân xã Nam Cai (tổng Nam Cai), tục đấu trí ở tổng Ngộ Xá...

3. Kết luận

Tây Đô là vùng đất có vị thế quan trọng của xứ Thanh. Điều kiện tự nhiên vừa tạo nên những thuận lợi cho việc phát triển kinh tế-văn hoá. Xét từ phương diện địa-chính trị và địa-quân sự, vùng đất Tây Đô có nhiều lợi thế phù hợp với việc xây dựng một trung tâm chi huy quân sự trong thời kỳ có chiến tranh. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX vùng đất này là địa bàn quan trọng của đất Thanh Đô, Thanh Hoa và tỉnh Thanh Hoá. Đặc biệt, từ cuối thế kỷ XIV, sau khi trở thành kinh đô của quốc gia Đại Ngu dưới vương triều Hồ cho đến tận giữa thế kỷ XIX, vùng đất Tây Đô luôn có vị trí nổi bật. Trên vùng đất này đã từng chứng kiến rất nhiều hoạt động chính trị lớn. Tây Đô trở thành một vùng đất có lịch sử phát triển lâu đời và có vị thế quan trọng không chỉ đối với trong lịch sử xứ Thanh mà cả trong dòng chảy của lịch sử dân tộc.

Từ sau khi trở thành trung tâm chính trị của cả nước, trên vùng đất này đã diễn ra nhiều biến đổi sâu sắc. Từ chỗ chỉ là một địa bàn giao thoa văn hoá *liền vùng*, Tây Đô trở thành nơi giao tiếp của nhiều nền văn hoá trong cả nước. Đây chính là căn nguyên lý giải vì sao sau này Tây Đô (Vĩnh Lộc) trở thành một vùng văn hoá đặc sắc của xứ Thanh. Là vùng đất cận kề đất "Tổ" của dòng họ Nguyễn, Tây Đô còn có vai trò cực kỳ quan trọng vào sự nghiệp của vương triều Nguyễn. Từ một vùng "cuối nước đầu non" đến thời Nguyễn vùng đất cổ đô có nhiều biến đổi. Tình hình ruộng đất khu vực thành Tây Đô nửa đầu thế kỷ XIX cho thấy dấu ấn một thời là trung tâm chính trị-quân sự của cả nước vẫn còn in đậm trên vùng đất này. Sự phát triển kinh tế-văn hoá ở vùng đất nằm giữa sông Mã và sông Bưởi đã làm cho Tây Đô trở thành một trong những vùng phát triển ở xứ Thanh.

Tuy chỉ tồn tại với tư cách là kinh đô trong một thời gian ngắn nhưng thành Tây Đô đã khẳng định vị thế của nó trong lịch sử thành cổ

Việt Nam và giá trị văn hoá trong dòng chảy văn hoá dân tộc. Hơn sáu trăm năm đã qua, giá trị lịch sử-văn hoá của toà thành đã được xác nhận. Trong xu hướng phát triển du lịch văn hoá hiện nay thành Tây Đô đã trở thành điểm đến hấp dẫn trong hành trình du lịch xứ Thanh.

Trước ngưỡng cửa trở thành di sản văn hoá thế giới, thành Tây Đô đang được nhiều ngành quan tâm nghiên cứu và cần phải tiếp tục nghiên cứu lâu dài. Với bài viết nhỏ này, tác giả hy vọng góp phần vào việc nghiên cứu làm sáng tỏ những giá trị văn hoá-lịch sử của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Thúy, Thành Tây Đô và những biến đổi của vùng đất Vĩnh Lộc xưa, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* số 9 (377) 63-68, Viện Sử học, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Thành, Làng Bồng Trung, In trong *Cội nguồn*, NXB Bộ LDTB & XH, Hà Nội, 1997, tr.217
- [3] Trịnh Thị Hương, Trịnh Tiến Huynh, Một vài địa danh và truyền thuyết có liên quan tới Hồ Quý Ly và thời Hồ ở quanh vùng Tây Đô, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (264), Viện Sử học, Hà Nội, tr.86- 87.
- [4] Lưu Công Đạo, *Thanh Hóa Vĩnh Lộc huyện chí*, Tài liệu lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, KH VHv 1371 (Trần Kim Anh & Trần Kim Mãng dịch và hiệu đính), tr.32.
- [5] Trương Hữu Quýnh, Khái quát ruộng đất ở Thanh Hóa thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX, In trong *Thanh Hóa thời kỳ 1802-1930*, NXB Thanh Hóa, Thanh Hóa, 2003, tr.131-132.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, NXB Thuận Hoá, Huế, 1992.
- [7] Lý Thị Mai, *Đất học Thanh Hóa thời Nguyễn*, Kỳ yếu Hội thảo khoa học Thanh Hóa thời kỳ 1802-1930, NXB Thanh Hóa, 2003, tr.343-345.
- [8] *Đồng Khánh địa dư chí*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2006, tr.1128.
- [9] Trần Minh Báo, *Các di tích nhà Trịnh ở Vĩnh Lộc những vấn đề cần quan tâm*, Kỳ yếu Hội thảo khoa học "Chúa Trịnh vị trí và vai trò lịch sử", Thanh Hóa, 1995.

The cultural space of Tay Do (Some changes since it came into the Capital)

Tay Do (Vinh Loc district, Thanh Hoa province) is a land which has a particularly important position both political and military terrain. This place is a transitional zone between the highland and the lowland with a complicated geological structure which is well integrated with different forms of topography-plains, hills and mountains. Long ago, Tay Do used to be the home of different ethnic groups.

Its distinctive feature of rich nature and ecological environment together with the diversified population have greatly affected the mode of production, cultivation and breeding and created the cultural features among the residential community in Tay Do which is the reason why it was chosen by Ho Quy Ly to be an ideal place to build his new capital- Tay Do Citadel.

After Ho Quy Ly's decision of building Tay Do Citadel in 1397 and the capital transferring from Thang Long to Thanh Hoa, Tay Do became the political and military centre of the country. Although its existence as the nation's capital only lasted from the end of the 19th century to the beginning of the 20th century, this place was affected greatly by the political status which, in one side, confirmed the important position of Tay Do and, on the other side, created good conditions for Vinh Loc, the neighboring areas and the whole of Thanh Hoa to make dramatic development in economy and culture not only during its time but also until the present time.

Among the remaining heritages of Ho Dynasty, Tay Do Citadel is a gigantic architecture work which bears much value of different aspects. The special feature of the citadel lies not only in its huge size and strong structure but also in the original feature of its skilful construction techniques. There are numbers of myths about the citadel most of which are still left unknown today.

The study of Tay Do cultural space has shown there is a hallmark of a political and military centre emerging in this land. In order to have a better understanding of its cultural features, we should make further studies of its cultural space which presents not only the specific apprehensive foundation of the area but a mirror reflecting its history and cultural tradition as well.